

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/11/2021

*V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2021, về việc “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/9/2021; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 43/2021/TB-TA ngày 11/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Khả A, sinh năm 1992; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm C, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Tuấn D, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm C, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Khả A trình bày: Năm 2010, bà Trần Khả A sống chung với ông Lâm Tuấn D nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, đã có ba người con chung là cháu Lâm Gia L (Nam), sinh ngày 20/9/2011; Cháu Lâm Phương N (Nữ), sinh ngày 07/12/2013 và cháu Lâm Gia T (Nam), sinh ngày

09/5/2016. Do phát sinh mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp tính tình, thường xảy ra cãi vã nên tình cảm ngày càng phai nhạt.

Nay bà Trần Khả A yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà A và ông D là vợ chồng. Về con chung: Cháu Lâm Gia L và cháu Lâm Phương N có nguyện vọng sống với cha hay với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Lâm Gia T còn nhỏ đang sống với cha nên bà A đồng ý giao cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bà A không cấp dưỡng cho con. Trường hợp bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì yêu cầu ông D cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng/người con đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D, nhưng ông D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A, đồng thời ông D cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận mối quan hệ chung sống giữa bà A và ông D là vợ chồng. Về con chung giao con chung cháu Lâm Gia L (Nam), sinh ngày 20/9/2011; cháu Lâm Phương N (Nữ), sinh ngày 07/12/2013 và cháu Lâm Gia T (Nam), sinh ngày 09/5/2016 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Lâm Gia L, Lâm Phương N nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu L, cháu N có nguyện vọng sống chung với cha, về cấp dưỡng nuôi con ông D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, về nợ chung nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông D, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do, bà A có đơn xin xét xử

vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà A và ông D theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Trần Khả A và bị đơn ông Lâm Tuấn D thấy rằng: Bà A và ông D chung sống với nhau từ năm 2010, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Bà A và ông D sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên thì pháp luật không công nhận bà A và ông D là vợ chồng. Tại đơn đề nghị đề ngày 08/6/2021 (BL40) bà A vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ chung sống giữa bà A và ông D không phải là vợ chồng. Đồng thời, theo như nhận định về mối quan hệ hôn nhân nêu trên thì giữa bà A và ông D không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà A và ông D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà A và ông D có 03 người con chung tên Lâm Gia L (Nam), sinh ngày 20/9/2011; cháu Lâm Phương N (Nữ), sinh ngày 07/12/2013 và cháu Lâm Gia T (Nam), sinh ngày 09/5/2016 hiện do ông D nuôi dưỡng. Tùy nguyện vọng của cháu Lâm Gia L và cháu Lâm Phương N có nguyện vọng sống với cha hay với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Lâm Gia T còn nhỏ đang sống với cha nên bà A đồng ý giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bà A không cấp dưỡng cho con. Trường hợp bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì yêu cầu ông D cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng/người con đến tuổi thành niên và cũng theo nguyện vọng của cháu Lâm Gia L, Lâm Phương N, nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu L, N có nguyện vọng sống với cha. Đối với cháu Lâm Gia T thì bà A đồng ý giao cho ông D nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu L, N, T không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung là các cháu Lâm Gia L (Nam), sinh ngày 20/9/2011; cháu Lâm Phương N (Nữ), sinh ngày 07/12/2013 và cháu Lâm Gia T (Nam), sinh ngày 09/5/2016 cho ông Lâm Tuấn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L, N, T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do ông D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà A trình bày tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Khả A đối với bị đơn Lâm Tuấn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Khả A và ông Lâm Tuấn D.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Gia L (Nam), sinh ngày 20/9/2011; cháu Lâm Phương N (Nữ), sinh ngày 07/12/2013 và cháu Lâm Gia T (Nam), sinh ngày 09/5/2016 cho ông Lâm Tuấn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L, N, T đủ 18 tuổi, bà Trần Khả A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Khả A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở. Bà A không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Gia L, Lâm Phương N, Lâm Gia T của ông Lâm Tuấn D thì ông D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà A trình bày tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Khả A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0009450, ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà A đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Lâm Tuấn D không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng